TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-03-2026
V/v: Ly hôn giữa bà Mơ và ông Thiên

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thuý Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Khâm

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 02/8/1968; căn cước công dân số 036168006725 cấp ngày 28/8/2021; Nơi cư trú: Thôn I, xã H, tỉnh Ninh Bình;

Bị đơn: Ông Lâm Văn T, sinh ngày 08/01/1952; căn cước công dân số 036052015282 cấp ngày 16/8/2021; Nơi cư trú: Thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình;

Tại phiên tòa: Bà M và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27 tháng 11 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Văn T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30-03-2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chưa tổ chức lễ cưới và không chung sống với nhau. Bà M và ông T vẫn mỗi người ở một nơi. Nay bà M và ông T xác định không còn tình cảm với nhau. Bà M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Văn T.

Về con chung: Bà M xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà M xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11-02-2026, bị đơn ông Lâm Văn T trình bày phù hợp với lời khai của bà M về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống. Nay bà M xác định không còn tình cảm và làm đơn xin ly hôn, ông T cũng nhất trí. Vì lý do sức khỏe ông T xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử.

Về con chung: ông T và bà M không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông T cũng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo văn bản số 158 ngày 23-02-2026 của Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã N) đã đăng ký kết hôn cho ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị M ngày 30-03-2022, theo số 17 tại quyển số 01/2022. Đến nay chính quyền cơ sở không nắm được thông tin về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà M và ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Văn T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Văn T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M và ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn vào ngày 30-03-2022. Theo bà M và ông T thì sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau là sự việc có thật. Bà M và ông T vẫn mỗi người ở một nơi. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà M làm đơn xin được ly hôn với ông T, bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa bà và ông T. Phía ông T cũng xác định không còn tình cảm với bà M nên ông cũng nhất trí ly hôn để vợ chồng giải phóng cho nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M đề nghị ly hôn, ông T cũng nhất trí. Do đó cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của bà M để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà M và ông T khai nhận vợ chồng không có con chung do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: bà M và ông T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Văn T.

2. Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm

nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000200 ngày 13-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Khâm **Nguyễn Văn Hùng**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh+khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND xã Ninh Cường;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga